TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM ĐÀN** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/DS-ST
Ngày: 19 - 9 - 2022
V/v Kiện đòi tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM ĐÀN, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lài.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Xuân Huế.

Bà Lê Thị Hương.

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Nguyễn Thế Anh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An *tham gia phiên toà*: Ông Văn Đình Thắng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 8 năm 2022 và ngày 19 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2022/TLST-DS, ngày 20 tháng 4 năm 2022; về "Kiện đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXXST - DS, ngày 29 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/QĐST-DS, ngày 15 tháng 8 năm 2022 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2022/QĐST-DS, ngày 30 tháng 8 năm 2022; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị C, sinh năm 1958; địa chỉ: Xóm LM1, xã KL, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1952; địa chỉ: Xóm LM1, xã KL, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1977; địa chỉ: Xóm LM1, xã KL, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Hồng P, sinh năm 1983; địa chỉ: Xóm LM1, xã KL, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Hồng P, sinh năm 1986; địa chỉ: Xóm LM1, xã KL, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các đơn khởi kiện đề ngày 10/12/2021 và ngày 08/4/2022, lời khai trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị C yêu cầu: Nguyên đơn có tham gia 03 dây phường do ông Nguyễn Hồng C làm chủ phường với mục đích là tự nguyện góp tiền lại để tích lũy, giúp đỡ nhau phát triển kinh tế gia đình. Mọi người tự nguyện tham gia phường, đóng tiền phường với mức theo thỏa thuận, mỗi suất được mua một lần, ai mua cao hơn thì người ấy được nhận. Đến tháng 7/2013 phường dừng hoạt động trong khi nguyên đơn chưa được nhận tiền phường như đã thỏa thuận, mặc dù đã đóng nhiều suất phường. Cụ thể: Dây phường thứ nhất: Thành lập ngày 02/11/2010 (âm lịch), tổng gồm có 43 suất phường; mỗi suất phường 1.000.000 đồng; mỗi tháng đóng 1 lần. Nguyên đơn đã đóng được 33 suất phường nhưng chưa được nhận tiền phường. Dây phường thứ hai: Thành lập ngày 01/9/2012 (âm lịch), tổng gồm có 38 suất phường; mỗi suất phường 1.000.000 đồng; mỗi tháng họp 2 lần vào các ngày 01 và 15 hàng tháng. Nguyên đơn đã đóng được 22 suất phường nhưng chưa được nhận tiền phường. Dây phường thứ ba: Thành lập ngày 13/11/2012 (âm lịch), tổng gồm có 33 suất phường; mỗi suất phường 1.000.000 đồng; mỗi tháng họp 2 lần vào các ngày 13 và 22 hàng tháng. Nguyên đơn đã đóng được 18 suất phường nhưng chưa được nhận tiền phường. Tổng số tiền nguyên đơn đã nộp theo trị giá suất phường là 73.000.000 đồng. Ông Nguyễn Hồng C đã trả được 3.550.000 đồng nên ông Nguyễn Hồng C đã chốt nợ là 69.450.000 đồng, chưa bóc tách lãi. Sau khi chốt phường ông Nguyễn Hồng C có trả thêm được 5.000.000 đồng. Khi tham gia phường ông Nguyễn Hồng C khẳng định đóng tiền cho ông C thì nhận tiền ở ông C. Hiện tại ông Nguyễn Hồng C đã chết nhưng phần tài sản của ông Nguyễn Hồng C đang do bà Nguyễn Thị H (là vợ) và các con của ông Nguyễn Hồng C quản lý nên nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị H và các con của ông Nguyễn Hồng C gồm anh Nguyễn Văn M, anh Nguyễn Hồng P và anh Nguyễn Hồng P có trách nhiệm trả nợ số tiền theo giấy chốt nợ phường sau khi trừ số tiền bóc tách lãi và số tiền đã trả là 5.000.000 đồng. Nguyên đơn đề nghị Tòa án thu thập sổ phường để có căn cứ tính số tiền lãi đã nhận.

Tại bản tự khai, lời khai trong quá trình thu thập chứng cứ, bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bị đơn là vợ của ông Nguyễn Hồng C. Bị đơn và ông Nguyễn Hồng C có 03 con chung là Nguyễn Văn M, Nguyễn Hồng P và Nguyễn

Hồng P. Ngày 15/6/2021 ông Nguyễn Hồng C chết. Ông Nguyễn Hồng C chết không để lại di chúc và không để lại tài sản gì. Đối với thửa đất số 72, tờ bản đồ số 10, xóm LM1, xã KL, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An là đất của ông Nguyễn Văn B (cha đẻ của ông Nguyễn Hồng C), ông Nguyễn Hồng C đã tự ý kê khai, đăng ký Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong khi chưa được sự nhất trí của cha mẹ và anh em của ông Nguyễn Hồng C. Hiện tại, bị đơn và các con đang sinh sống trên thửa đất này nhưng không có quyền gì vì không có di chúc và bìa đất mang tên ông Nguyễn Hồng C. Đối với số tiền 27.000.000 đồng bà Lê Thị S có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Hồng C và số tiền 925.557.000 đồng bà Nguyễn Thị Tuyết N có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Hồng C theo các Quyết định của Tòa án cho đến nay bà Lê Thị S và bà Nguyễn Thị Tuyết N chưa trả số tiền này. Bị đơn từ chối nhận số tiền này. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị C, bị đơn không chấp nhận. Lý do là khi ông Nguyễn Hồng C còn sống, bà Phan Thị C không khởi kiện, nay bị đơn không biết cụ thể còn nợ bao nhiêu, đã trả bao nhiêu. Mặt khác ông Nguyễn Hồng C không để lại di chúc, không để lại tài sản, bị đơn và các con không liên quan đến phường hụi nên bị đơn không có nghĩa vụ trả nợ. Bị đơn đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện phường hụi theo công văn số 40/KHXX, ngày 06/4/2007 của Tòa án nhân dân tối cao về "Hướng dẫn thụ lý tranh chấp về họ" và xác định thời hiệu khởi kiện 02 năm đã hết để đình chỉ vụ án.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 20/7/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hồng P trình bày: Anh là con trai của ông Nguyễn Hồng C. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị C, anh Nguyễn Hồng P không chấp nhận vì lý do anh Nguyễn Hồng P không biết việc phường hụi, ông Nguyễn Hồng C không để lại di chúc, nhà đất đã chia cho cha, mẹ, không để lại tài sản gì. Anh Nguyễn Hồng P là người không có quyền lợi nên không có nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn phát biểu ý kiến đề nghị:

Về tố tụng: Toà án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình thu thập chứng cứ, thủ tục tống đạt đảm bảo quyền lợi cho các đương sự. Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã thực hiện theo đúng trình tự theo quy định từ Điều 239 đến Điều 260 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của Thư ký phiên tòa được thực hiện theo đúng quy định tại

Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào khoản 2 Điều 155, 163, 164, 166, 612, 614, 615, 620 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề xuất: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị C. Buộc bà Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn M, anh Nguyễn Hồng P và anh Nguyễn Hồng P phải trả cho bà Phan Thị C số tiền phường còn nợ là 40.781.000 đồng. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Nguyên đơn bà Phan Thị C yêu cầu bà Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn M, anh Nguyễn Hồng Pvà anh Nguyễn Hồng P có địa chỉ cư trú tại xã KL, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An trả số tiền thực nộp mà chưa được nhận tại các dây phường do ông Nguyễn Hồng C làm chủ phường nên đây tranh chấp kiện đòi tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 2 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn M, anh Nguyễn Hồng P và anh Nguyễn Hồng P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. Về áp dụng thời hiệu khởi kiện: Bà Nguyễn Thị H yêu cầu áp dụng thời hiệu theo công văn số 40/KHXX, ngày 06/4/2007 của Tòa án nhân dân tối cao để đình chỉ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thời điểm đưa ra yêu cầu: Tại văn bản các ngày 12/5/2022, 05/8/2022 và lời khai trong quá trình thu thập chứng cứ, bà Nguyễn Thị H yêu cầu áp dụng thời hiệu để giải quyết vụ án, yêu cầu này của bà Nguyễn Thị H được đưa ra

trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định nên được xem xét giải quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu áp dụng thời hiệu: Tại điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về giao dịch dân sự xác lập trước ngày Bộ luật này có hiệu lực pháp luật thì "Thời hiệu được áp dụng theo quy định của Bộ luật này". Công văn số 40/KHXX, ngày 06/4/2007 của Tòa án nhân dân tối cao là văn bản hướng dẫn áp dụng khoản 3 Điều 159 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004 và Điều 427, Điều 479 Bộ luật Dân sự năm 2005 nên không áp dụng để giải quyết trong vụ án này. Mặt khác, bà Phan Thị C yêu cầu nhận lại số tiền thực nộp cho ông Nguyễn Hồng C đã được chốt và ghi rõ trong sổ phường trong quan hệ phường hụi mà chưa được nhận lại. Số tiền này thuộc quyền sở hữu của bà Phan Thị C nên được pháp luật bảo vệ mà không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 155, Điều 163, Điều 164, Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, bà Nguyễn Thị H yêu cầu áp dụng thời hiệu và xác định đã hết thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án đình chỉ vụ án là không có căn cứ chấp nhận.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu của nguyên đơn: Bà Phan Thị C khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn M, anh Nguyễn Hồng P và anh Nguyễn Hồng P trả nợ số tiền theo Giấy chốt nợ phường của ông Nguyễn Hồng C là 69.450.000 đồng sau khi trừ số tiền bóc tách lãi và số tiền đã trả là 5.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử nhận định: Giấy chốt phường do bà Phan Thị C xuất trình nhưng hiện ông Nguyễn Hồng C đã chết nên không có đủ căn cứ để xác định chữ viết, chữ ký và số tiền xác nhận trên là của ông Nguyễn Hồng C. Sau khi dừng phường, chủ phường đã làm việc với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nam Đàn. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nam Đàn đã làm thủ tục thu giữ, niêm phong số sổ phường do ông Nguyễn Hồng C làm chủ phường theo quy định. Quá trình điều tra, xác minh, Cơ quan điều tra xác định không đủ căn cứ để xử lý hình sự nên hướng dẫn cho các đương sự khởi kiện vụ án dân sự đồng thời chuyển giao toàn bộ sổ phường gốc được niêm phong theo quy định đến Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn để giải quyết theo thủ tục dân sự. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn đã thu thập, y sao sổ phường gốc và căn cứ vào số liệu theo sổ phường để giải quyết vụ án. Căn cứ vào 03 sổ phường bà Phan Thị C tham gia, Hội đồng xét xử xác định như sau:

Dây phường thành lập ngày 02/11/2010 (âm lịch), tổng gồm có 43 suất phường; mỗi suất phường 1.000.000 đồng; mỗi tháng đóng 01 lần, bà Phan Thị C tham gia 01 suất phường. Bà Phan Thị C nộp được 33 suất thì dừng phường

và chưa bắt được phường. Số tiền bà Phan Thị C phải nộp là 33.000.000 đồng; số tiền lãi đã được chia là 11.298.000 đồng. Như vậy, số tiền thực bà Phan Thị C đã nộp mà chưa được nhận là 21.702.000 đồng.

Dây phường thành lập ngày 01/9/2012 (âm lịch), tổng gồm có 38 suất phường; mỗi suất phường 1.000.000 đồng; mỗi tháng đóng 02 lần vào các ngày 01 và 15 hàng tháng, bà Phan Thị C tham gia 01 suất phường, bà Phan Thị C nộp được 21 suất và chưa bắt được phường. Bà Phan Thị C khai đã nộp 22 suất là không phù hợp với sổ phường. Số tiền bà Phan Thị C phải nộp là 21.000.000 đồng; số tiền lãi đã được chia là 5.951.000 đồng. Như vậy, số tiền thực bà Phan Thị C đã nộp mà chưa được nhận là 15.049.000 đồng.

Dây phường thành lập ngày 13/11/2012 (âm lịch), tổng gồm có 33 suất phường; mỗi suất phường 1.000.000 đồng; mỗi tháng đóng 02 lần vào các ngày 13 và 22 hàng tháng, bà Phan Thị C tham gia 01 suất phường, bà Phan Thị C nộp được 18 suất và chưa bắt được phường. Số tiền bà Phan Thị C phải nộp là 18.000.000 đồng; số tiền lãi đã được chia là 5.420.000 đồng. Như vậy, số tiền thực bà Phan Thị C đã nộp mà chưa được nhận là 12.580.000 đồng.

Tổng số tiền bà Phan Thị C thực nộp mà chưa được nhận tại các dây phường do ông Nguyễn Hồng C làm chủ phường là 49.331.000 đồng. Bà Phan Thị C thừa nhận ông Nguyễn Hồng C đã trả số tiền 3.550.000 đồng trước khi chốt phường và số tiền 5.000.000 đồng sau khi chốt phường. Tổng số tiền ông Nguyễn Hồng C đã trả là 8.550.000 đồng. Vì vậy, tổng số tiền bà Phan Thị C chưa được nhận là 40.781.000 đồng. Đây là số tiền thuộc quyền sở hữu của bà Phan Thị C nên bà Phan Thị C khởi kiện yêu cầu số tiền này là có căn cứ chấp nhận.

[2.2]. Về trách nhiệm trả nợ: Ông Nguyễn Hồng C là chủ phường nên phải có trách nhiệm thu tiền phường của các thành viên của phường và giao tiền phường cho các thành viên chưa nhận phường theo quy định tại các Điều 5, 15, và 27 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ.

Ông Nguyễn Hồng C chết ngày 15/6/2021. Quá trình thu thập chứng cứ xác định những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Hồng C gồm: Vợ là bà Nguyễn Thị H và các con: Anh Nguyễn Văn M, anh Nguyễn Hồng P và anh Nguyễn Hồng P.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương xã KL, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An thì thửa đất số 72, tờ bản đồ số 10, tại xóm LM1, xã KL, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Hồng C và bà Nguyễn Thị H, hiện chưa chuyển quyền sử dụng đất cho người khác. Chi cục Thi hành án dân sự huyện

Nam Đàn đã xác định phần tài sản của ông Nguyễn Hồng C trong khối tài sản chung của vợ chồng và phần tài sản này hiện đang do bà Nguyễn Thị H và các con quản lý, sử dụng. Ngoài ra, ông Nguyễn Hồng C còn là người được thi hành khoản tiền 925.557.000 đồng do bà Nguyễn Thị Tuyết N trả nợ và khoản tiền 27.000.000 đồng do bà Lê Thị S trả nợ theo các Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 01/2018/QĐST-DS, ngày 29/3/2018 và Quyết định số 08/2018/QĐST-DS, ngày 17/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Đối với số tiền 925.557.000 đồng do bà Nguyễn Thị Tuyết N trả nợ, ông Lê Hồng C đã làm đơn yêu cầu thi hành án. Đây là di sản của ông Nguyễn Hồng C để lại và kể từ thời điểm mở thừa kế, những người thừa kế có các quyền và nghĩa vụ tài sản do người chết để lại theo quy định tại Điều 612, Điều 614 của Bộ luật Dân sự. Bà Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn M, anh Nguyễn Hồng P và anh Nguyễn Hồng P là người thừa kế và hiện đang quản lý di sản của ông Nguyễn Hồng C để lại nên phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại theo quy định tại Điều 615 Bộ luật Dân sự. Bà Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Hồng P khai ông Nguyễn Hồng C không để lại tài sản gì và từ chối nhận các khoản tiền của bà Nguyễn Thị Tuyết N và bà Lê Thị S để xác định ông Nguyễn Hồng C không có di chúc, không để lại tài sản gì nên không có nghĩa vụ trả nợ là không phù hợp với quy định tại Điều 620 của Bộ luật Dân sự. Bà Phan Thị C yêu cầu bà Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn M, anh Nguyễn Hồng P và anh Nguyễn Hồng P phải có trách nhiệm trả số tiền phường ông Nguyễn Hồng C còn nợ là có căn cứ chấp nhận.

[2.3]. Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận tương ứng với số tiền 40.781.000 đồng x 5% = 2.039.000 đồng.

[6]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 155, Điều 163, Điều 164, Điều 166, Điều 612, Điều 614, Điều 620, điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị C. Buộc bà Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn M, anh Nguyễn Hồng P và anh Nguyễn Hồng P có nghĩa vụ phải trả cho bà Phan Thị C số tiền phường do ông Nguyễn Hồng C làm chủ phường còn nợ là 40.781.000 đồng (Bốn mươi triệu bảy trăm tám mươi mốt nghìn đồng), không tính lãi suất.

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn M, anh Nguyễn Hồng P và anh Nguyễn Hồng P phải chịu 2.039.000 đồng (Hai triệu không trăm ba mươi chín nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (đối với các khoản tiền phải trả cho người được Thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Nam Đàn;
- Các đương sự
- Lưu HSVA; VPTA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Lài